TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 348/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 18 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Tổ Z, phường T T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị đơn: Chị Lê Hoài P, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Tổ Y, phường P Đ P, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Lê Hoài P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Lê Hoài P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Sau khi ly hôn hai vợ chồng thỏa thuận chị Lê Hoài P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đình Đ, sinh ngày 06/12/2012 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mức 1.000.000đ *(Một triệu đồng)/*tháng cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về tài sản chung: Anh T và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh T và chị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006481 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường TT;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc